

BÁO CÁO

Đánh giá, tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2012-2022

Kính gửi: Cục Quản lý môi trường y tế.

Căn cứ Công văn số 4797/MT-BYT ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Bộ Y tế về việc báo cáo đánh giá, tổng kết kết quả 10 năm (2012- 2022) thực hiện Chỉ thị 29/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 9363/UBND-KGVX ngày 7 tháng 9 năm 2022 về việc báo cáo đánh giá, tổng kết kết quả 10 năm (2012-2022) thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo nội dung Công văn giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo Bộ Y tế đúng theo quy định.

I. MỞ ĐẦU

Sở Y tế Đồng Nai là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Phong trào Vệ sinh yêu nước trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức phát động chiến dịch hưởng ứng Ngày Vệ sinh yêu nước, nâng cao sức khỏe nhân dân theo chủ đề, hướng dẫn và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; Triển khai, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, công tác phòng, chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, xây dựng nhà tiêu hộ gia đình, vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp; Chủ động phối hợp và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời đến cơ quan truyền thông để tuyên truyền, phổ biến về các hoạt động của Phong trào Vệ sinh yêu nước, đảm bảo phong trào được thực hiện sâu rộng và bền vững.

Theo báo cáo của UBND các huyện, các Sở, ban, ngành có liên quan, Sở Y tế Đồng Nai báo cáo đánh giá, tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 29/Ct-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai Phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2012-2022 như sau:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2012-2021

1. Xây dựng chính sách, chỉ đạo

a) Kế hoạch số 6137/KH-UBND ngày 06/8/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013-2015.

b) Văn bản tham mưu, chỉ đạo của Sở Y tế tỉnh/thành phố về chỉ đạo các đơn vị y tế trong ngành triển khai thực hiện hưởng ứng Phong trào. Số lượng, nội dung văn bản.

(kèm theo phụ lục 2)

2. Kết quả các hoạt động

2.2.1. Công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường nông thôn

- Về hội nghị, tập huấn, đào tạo:

+ Tổ chức 48.842 buổi họp dân cư với 2,5 triệu lượt người tham dự

+ Tổ chức Hội nghị tập huấn cho 140 cán bộ mặt trận về Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư

- Về công tác tuyên truyền:

+ Tuyên truyền trên phương tiện truyền thông tuyến huyện xã về xử lý nước và vệ sinh môi trường trong mùa mưa bão, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh với 10.000 lượt phát thanh

+ Tổ chức 63 lớp tập huấn tọa đàm vận động nhân dân xây dựng Nông thôn mới với 8.586 lượt bán bộ tham gia

+ Phát 10.000 tờ rơi hướng dẫn xử lý nước và vệ sinh môi trường trong mùa mưa bão, Treo 500 băng rol tuyên truyền hưởng ứng Ngày Vệ sinh yêu nước, ngày Môi trường thế giới, Tuần Lễ Quốc gia Nước sạch và VSMT hàng năm.

+ 2.588 Sổ tay tuyên truyền về Bảo vệ Môi trường, 3.260 Sổ tay tuyên truyền về Biến đổi khí hậu, 1.099 Sổ tay hướng dẫn phân loại chất thải tại nguồn

Bên cạnh đó, các địa phương thường xuyên phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương phát động toàn dân tham gia làm tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, thôn ấp, khơi thông cống rãnh, thu gom rác thải, phát quang bụi rậm, xây dựng nếp sống văn minh khu dân cư; vận động người dân giữ gìn vệ sinh cá nhân, ăn sạch, uống sạch, ở sạch, giữ gìn bàn tay sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Tỷ lệ hộ gia đình (HGD) sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh (theo báo cáo của Sở NN&PTNT)

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch năm 2012	46,82
2	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2012	93,1

So với năm 2012

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch năm 2021	81,95

2	Tỉ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2021	100
---	---	-----

- Tỷ lệ HGD có nhà tiêu và tỷ lệ HGD có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS): kết quả năm 2012 (91,15%), năm 2021 (99,94%) tăng 8,79%.

Huyện	Tỷ lệ HGD có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS) (%)	
	Năm 2012	Năm 2021
Biên Hòa	98,81	99,91
Long Khánh	97,01	99,91
Long Thành	91,46	99,88
Nhon Trạch	/	/
Thống Nhất	92,97	97,8
Tân Phú	72,24	85,44
Định Quán	83,7	99,9
Vĩnh Cửu	89	99,9
Trảng Bom	71,12	99,2
Cẩm Mỹ	95	98,6
Xuân Lộc	97	99,7
Toàn tỉnh	91,15	99,94

2.2.2. Công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt

- Hội nghị, tập huấn: Từ năm 2012 đến năm 2022, Sở Y tế chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đồng Nai (trước năm 2018 là Trung tâm Y tế dự phòng) tổ chức hội nghị triển khai công tác Vệ sinh môi trường hàng năm lồng ghép tập huấn chuyên môn về kiểm tra, giám sát chất lượng nước sinh hoạt

Năm	Nội dung	Loại hình	Tham dự (người)
2012	Triển khai kế hoạch công tác VSMT năm 2012	Tập trung	40
2013	Triển khai kế hoạch công	Tập trung	41

Năm	Nội dung	Loại hình	Tham dự (người)
	tác VSMT năm 2013		
2014	Triển khai kế hoạch công tác VSMT năm 2014	Tập trung	33
2015	Triển khai kế hoạch công tác VSMT năm 2015 và Nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát chất lượng nước	Tập trung	35
2016	Triển khai kế hoạch công tác VSMT năm 2016	Tập trung	37
2017	Triển khai kế hoạch công tác VSMT năm 2017	Tập trung	33
2018	Triển khai kế hoạch công tác VSMT năm 2018	Tập trung	40

- Công tác truyền thông:

+ Ngành Y tế, hàng năm thực hiện tuyên truyền các thông điệp hưởng ứng Ngày Nước thế giới (29/3), Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và VSMT (29/4- 06/5) với số lượng 3.000 băng rôn.

+ Ngành Nông nghiệp và PTNT thực hiện truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường tại 157 xã trên địa bàn tỉnh với 3.140 panner, 157.000 tờ rơi được cấp phát và 51 pano tuyên truyền xe lưu động.

+ Bên cạnh đó, các Sở Ban ngành hàng năm đều thực hiện truyền thông về nước sạch với nhiều hình thức: băng rôn, poster, ... tại trụ sở và trên các trục đường chính.

- Kết quả kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt của các năm:

Thường niên phối hợp doanh nghiệp cấp nước tại địa phương thực hiện ngoại kiểm chất lượng nước nhằm đảm bảo chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt với 351 lượt kiểm tra

STT	Năm	Số cơ sở CCN trên địa bàn	Số cơ sở CCN được ngoại kiểm Vệ sinh, chất lượng nước	Số cơ sở đạt vệ sinh chất lượng nước
-----	-----	---------------------------	---	--------------------------------------

1	2012	75	28	21
2	2013	75	31	25
3	2014	75	25	17
4	2015	75	27	20
5	2016	75	25	18
6	2017	100	31	16
7	2018	100	30	32
8	2019	100	36	24
9	2020	100	72	42
10	2021	100	46	22

2.2.3. An toàn vệ sinh thực phẩm

- Hội nghị, hội thảo, tập huấn: Từ năm 2012-2021 đã tổ chức 49.526 buổi hội nghị, hội thảo, tập huấn kiến thức ATTP cho người sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Công tác truyền thông:

+ Công tác tuyên truyền được triển khai rộng rãi với nhiều hình thức như: tuyên truyền cơ động, phát thanh tuyên truyền qua đài phát thanh huyện, xã, Website của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm với nội dung phong phú, sử dụng tối đa các phương tiện, các kênh hiện có nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về ATTP.

+ In ấn, cấp phát 67.149 Poster, áp phích; 15.624 băng rôn, khẩu hiệu; 624.062 tờ rơi/ tờ gấp tuyên truyền về an toàn thực phẩm.

+ Đưa tin, cảnh báo về ATTP, công khai các thủ tục hành chính trên các cổng thông tin điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận và tìm kiếm thông tin về ATTP.

+ Giai đoạn 2012-2021, trên sóng phát thanh, truyền hình, Đài PT-TH Đồng Nai đã thực hiện: 742 tin, 16 phỏng vấn và 397 phóng sự tuyên truyền.

+ Kết quả hoạt động đảm bảo đa dạng dinh dưỡng, ăn chín uống chín, phòng chống ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm tại cộng đồng và tại bếp ăn tập thể/bán trú, dự phòng ngộ độc rượu bia, chế biến và bảo quản thực phẩm

+ Công tác tuyên truyền đối với các bếp ăn tập thể được chú trọng, nhận thức của chủ doanh nghiệp và người chế biến thực phẩm được nâng cao.

Giai đoạn 2012-2021: tuyển tình cấp 6.884 cấp cho loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống.

+ Trong giai đoạn 2012-2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã xảy ra 51 vụ ngộ độc thực phẩm làm 1.993 người mắc và 10 người tử vong. Số vụ ngộ độc >30 người là 19 vụ. Đa số các vụ ngộ độc thực phẩm đến từ bếp ăn tập thể của công ty trong khu công nghiệp.

+ Từ năm 2011 đến nay, toàn tỉnh đã triển khai xây dựng 118 phường, xã điểm tại các huyện, thành phố. Tính cộng dồn đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã đánh giá, công nhận phường, xã điểm là 105/118 xã chiếm tỷ lệ: 88,98%. Ngoài ra, Chi cục ATVSTP đã triển khai xây dựng các mô hình kiểm soát ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (bếp điểm) tại các bếp ăn tập thể trong công ty và các công ty phục vụ suất ăn công nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại đã duy trì 26 đơn vị tham gia với 37 bếp ăn tập thể.

Bên cạnh đó nhằm đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về ATTP từ đó giúp lãnh đạo chính quyền các cấp chủ động hơn trong công tác quản lý nhà nước về ATTP, các đối tượng được điều tra cập nhật thêm kiến thức về ATTP, ngăn ngừa sự cố về ATTP trên địa bàn tỉnh. Chi cục ATVSTP xây dựng kế hoạch khảo sát về việc điều tra, đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về ATTP trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Chi cục ATVSTP đã tiến hành điều tra 04 đối tượng người sản xuất, người lãnh đạo quản lý, người kinh doanh, người tiêu dùng thực phẩm trên toàn tỉnh. Qua số liệu đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về ATTP của 4 nhóm đối tượng trên, từ đó giúp lãnh đạo chính quyền các cấp chủ động hơn trong công tác quản lý nhà nước về ATTP, các đối tượng được điều tra cập nhật thêm kiến thức về ATTP, ngăn ngừa sự cố về ATTP trên địa bàn tỉnh.

- Công tác giám sát, kiểm tra liên ngành về ATVSTP

+ Công tác phối hợp liên ngành được chú trọng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả về công tác bảo đảm ATTP, đặc biệt các đợt kiểm tra liên ngành về ATTP trong các đợt cao điểm về ATTP.

+ Hàng năm, Ban Chỉ đạo bảo đảm VSATTP tỉnh triển khai Kế hoạch bảo đảm ATTP, trong đó tập trung nhiều vào dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm và Tết Trung thu. Toàn tỉnh đã thành lập 186 đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành với sự tham gia của các ngành chức năng: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công thương, Công an, Quản lý Thị trường, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo... Ngoài việc thanh, kiểm tra theo kế hoạch, các sở, ngành tiến hành nhiều đợt thanh, kiểm tra đột xuất theo chuyên ngành phát hiện và xử lý nhiều vụ vi phạm pháp luật về ATTP.

TT	Năm	Số lượng đoàn thanh tra,	Số cơ sở được thanh tra,	Số cơ sở vi phạm				Số cơ sở bị phạt tiền	Số tiền phạt (triệu đồng)
				Vi phạm Quảng	Vi phạm ghi	Vi phạm điều kiện	Vi phạm khác		

		kiểm tra	kiểm tra	cáo	nhãn	ATTP			
1	2012	338	446		8	157	18	373	738.32
2	2013	553	1090		3	565	26	920	1585
3	2014	476	1257		8	426	28	1062	2726.175
4	2015	188	897		2	388	19	742	1871.553
5	2016	1045	4479		5	687	44	1913	4575.099
6	2017	805	4414		8	301	20	1129	4398.052
7	2018	842	3181		10	225	60	1465	4736.116
8	2019	522	2044		10	284	67	500	2253.886
9	2020	739	951		13	280	27	641	2387.105
10	2021	296	895		3	145	42	407	2082.291
Tổng số		5.804	19.654	0	70	3.458	351	9.152	27.353.597

2.2.4. An toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường trong cơ sở cơ sở y tế, vệ sinh trong cơ sở giáo dục.

a) An toàn vệ sinh lao động

- Hội nghị, hội thảo, tập huấn: Tập huấn sơ cấp cứu (30.000 người), Huấn luyện An toàn lao động, PCCC và CHCN (2.500 lớp)

- Công tác truyền thông: chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh Tổ chức treo băng rôn, pano, áp phích, khẩu hiệu tuyên truyền hưởng ứng Tháng hành động ATVSLĐ trong khu vực sản xuất, công trụ sở doanh nghiệp treo từ 1-2 khẩu hiệu.

- Đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, rà soát, đánh giá các nguy cơ, rủi ro về an toàn vệ sinh lao động; lập biên bản đánh giá tình trạng an toàn của thiết bị, máy móc, nhà xưởng và rà soát việc chấp hành các quy định, chế độ bảo hộ lao động, quy trình, biện pháp làm việc ATVSLĐ trong đơn vị, tổ chức khắc phục hạn chế, rủi ro.

- Công tác an toàn vệ sinh lao động bao gồm: quan trắc môi trường lao động, tổ chức đăng ký và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các doanh nghiệp và khu công nghiệp, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp được duy trì hàng năm do Trung tâm CDC Đồng Nai và một số cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện về QTMT và KSK cho người lao động trong và ngoài tỉnh thực hiện

- Về quan trắc môi trường lao động: kết quả năm 2012 (153 cơ sở) , năm 2021 (242 cơ sở);

b) Bảo vệ môi trường trong các cơ sở y tế

- Hội nghị, hội thảo, tập huấn: 100% các cơ sở y tế tập huấn hàng năm cán bộ y tế làm công tác quản lý chất thải, kiểm soát nhiễm khuẩn về quản lý chất thải và cơ sở Y tế Xanh – Sạch – Đẹp; Cập nhật các kiến thức mới về BVMT: 10 lớp với hơn 1.000 lượt người tham dự.

- Công tác truyền thông: trong 10 năm thực hiện Phong trào đã thực hiện treo 5.000 băng rôn, poster hướng dẫn thực hiện Quản lý chất thải y tế, thực hiện cơ sở Y tế Xanh – Sạch – Đẹp tại các cơ sở y tế

- Từ năm 2016 đến nay, ngành Y tế đã triển khai mô hình cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp tại 100% cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh từ tuyến tỉnh đến huyện, xã;

- Tỷ lệ trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh:

Huyện	Tỷ lệ Trạm Y tế sử dụng nước sạch (%)		Tỷ lệ Trạm Y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS) (%)	
	Năm 2012	Năm 2021	Năm 2012	Năm 2021
Biên Hòa	93,33	96,66	100	100
Long Khánh	100	100	100	100
Long Thành	21,4	71,4	60	100
Nhon Trạch	95	100	95	100
Thống Nhất	100	100	100	100
Tân Phú	100	100	100	100
Định Quán	100	100	100	100
Vĩnh Cửu	100	100	100	100
Trảng Bom	100	100	100	100
Cẩm Mỹ	100	100	100	100
Xuân Lộc	100	100	100	100
Toàn tỉnh	93,56	98,4	97,1	100

- Tổng lượng nước thải y tế phát sinh năm 2021 ước tính khoảng 1,5 triệu m³ 100% lượng nước thải y tế từ các cơ sở y tế được thu gom và xử lý triệt để, đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường

- Tổng lượng chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn năm 2021 ước tính khoảng 1.200 tấn; hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR) y tế được thực hiện đúng quy định của Bộ Y tế, Bộ TNMT; 100% lượng chất thải rắn y tế nguy hại tại bệnh viện được xử lý đúng quy định.

c) Vệ sinh trong cơ sở giáo dục

- Hội nghị, hội thảo, tập huấn: Trong 10 năm thực hiện chỉ thị 29/CT-TTg, đã diễn ra nhiều hội nghị, hội thảo, tập huấn công tác Y tế trường học nói chung và vệ sinh trong cơ sở giáo dục nói riêng. Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh quán triệt, phổ biến các nội dung chủ yếu của Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29/12/ 2010 Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Chỉ thị 29/CT-TTg và các kế hoạch triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chỉ thị 29/CT-TTg của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh.

- Công tác truyền thông:

+ Thường xuyên tổ chức tuyên truyền trực tiếp (nói chuyện trong giờ chào cờ, sinh hoạt lớp, phát thanh măng non/phát thanh học đường, truyền thông theo chủ đề gắn với công tác y tế trường học), tuyên truyền trên internet, mạng xã hội, tờ rơi, áp phích, băng rôn,... cho học sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh về các hoạt động vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân để phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm.

+ Hàng năm, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày ASEAN phòng chống sốt xuất huyết (15/6), Ngày Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân (02/7) theo các chủ đề ưu tiên để giải quyết những vấn đề cấp thiết về vệ sinh liên quan đến sức khỏe.

+ Trong giai đoạn bùng phát các loại dịch bệnh như Sởi, Sốt xuất huyết, Tay-chân-miệng, Thủy đậu, COVID-19,... các hoạt động tuyên truyền về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường tại nơi ở, trường/lớp được chú trọng thực hiện thường xuyên. Trọng tâm là hướng dẫn giáo viên, học sinh thực hành các hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường có lợi cho sức khỏe và phòng, chống hiệu quả các loại dịch bệnh truyền nhiễm như súc họng, rửa tay với xà phòng và nước sạch; thường xuyên vệ sinh nơi ở, nơi làm việc, trường, lớp học, đồ chơi, đồ dùng học tập; giặt/rửa/ khử trùng đồ dùng cá nhân; sử dụng thùng rác có nắp đậy, thu gom, phân loại rác thải theo quy định; phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh, không để vật dụng đọng nước làm nơi trú ngụ, phát triển của ruồi, muỗi gây bệnh Sốt xuất huyết,...

+ Thực hiện chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, các cơ sở giáo dục đã lồng ghép nội dung kiến thức, kỹ năng về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường vào các môn học (Đạo đức/Giáo dục công dân, Sinh học, Địa lý,...) và các hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học.

+ Việc tuyên truyền, giáo dục các nội dung về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường tại các cơ sở giáo dục trong những năm qua đã được ngành GD&ĐT quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức của cán

bộ, giáo viên, học sinh về phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân. Đa số cán bộ, giáo viên, các cơ sở giáo dục nhận thức được việc thực hiện phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân là hoạt động thiết thực học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Cán bộ, giáo viên, học sinh các cơ sở giáo dục đã tích cực thực hiện phong trào vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thay đổi thói quen, tập quán vệ sinh lạc hậu, thực hành các hành vi vệ sinh có lợi cho sức khỏe,... góp phần phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, xây dựng cộng đồng có nếp sống hợp vệ sinh, văn minh.

+ Các nhà trường đã quan tâm tuyên truyền đến học sinh, cha mẹ học sinh, nhân viên phục trách bếp ăn những kiến thức căn bản về vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng thói quen ăn, uống khoa học; chế biến, sử dụng, bảo quản đồ ăn, thức uống an toàn, đảm bảo vệ sinh nhằm ngăn ngừa, phòng, tránh tình trạng trẻ em, học sinh bị ngộ độc thực phẩm, nhiễm ký sinh trùng, mắc các bệnh về tiêu hóa qua đường ăn, uống.

Ngành Y tế phối hợp GD&ĐT trong công tác chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp, chế độ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 46/2010/TT-BYT và các hướng dẫn của cơ quan y tế. Cụ thể:

+ 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh duy trì tốt việc làm vệ sinh phòng học, quét dọn các khu vực sử dụng chung như hành lang, cầu thang, sân trường, lối đi từ 1-2 lần/ ngày; tổng vệ sinh định kỳ tối thiểu hai tuần 01 lần; không cho gia súc gia cầm hoạt động trong cơ sở giáo dục; thu gom xử lý rác, bố trí đầy đủ phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại chứa rác tạm thời; phun hóa chất diệt côn trùng, xử lý vệ sinh môi trường theo quy định của cơ quan y tế địa phương.

+ Trong giai đoạn bùng phát các loại dịch bệnh như Sởi, Sốt xuất huyết, Tay-chân-miệng, Thủy đậu, COVID-19,... các cơ sở giáo dục đã kịp thời phối hợp với cơ sở y tế địa phương tiến hành vệ sinh, khử khuẩn môi trường; thực hiện thường xuyên việc lau sàn, bàn ghế, cửa sổ, cửa ra vào phòng học, đồ chơi, đồ dùng, tay nắm, tay vịn, mặt sàn xe đưa rước giáo viên, học sinh bằng xà phòng, nước sạch và dung dịch khử khuẩn phù hợp; phát quang cảnh cây, bụi rậm, thu gom phế thải, vật dụng dễ đọng nước, diệt loăng quăng,... đảm bảo không gian học tập, làm việc luôn sạch sẽ, thông thoáng, không để tồn tại các yếu tố nguy cơ làm phát tán bệnh truyền nhiễm.

+ Các cơ sở giáo dục mầm non, trường/lớp học bán trú, nội trú đã thực hiện tốt việc vệ sinh phòng ở, giặt/rửa vật dụng cá nhân dùng riêng như giường, tranh, gối, khăn mặt, bát, đĩa, thìa, ly/cốc uống nước, bàn chải đánh răng cho học sinh theo quy định.

- Công tác y tế học đường; công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm được Sở GD&ĐT quan tâm chỉ

đạo các trường học triển khai thực hiện đầy đủ nhằm bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, tạo điều kiện để học sinh phát triển toàn diện cả về thể chất và trí tuệ.

+ 100% cán bộ quản lý các đơn vị trường học, chuyên viên phụ trách công tác y tế trường học của các Phòng GD&ĐT đã được quán triệt, hướng dẫn về nhiệm vụ công tác y tế trường học trong các hội nghị tập huấn đầu năm học do Sở GD&ĐT tổ chức; 100% nhân viên y tế các trường trên địa bàn tỉnh được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ công tác y tế trường học và các nội dung liên quan đến công tác vệ sinh trường học, phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trẻ em, học sinh,... theo sự phối hợp giữa Sở Y tế và Sở GD&ĐT.

+ 100% các trường có phòng y tế riêng, được trang bị giường, tủ thuốc, cơ sở thuốc, các trang thiết bị thiết yếu theo Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế để phục vụ việc sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh.

+ Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học được các đơn vị tổ chức thực hiện đầy đủ.

+ 100% cán bộ quản lý các cấp học đã được quán triệt, hướng dẫn về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trường học trong các hội nghị tập huấn đầu năm học do Sở GD&ĐT tổ chức; 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phụ trách kho sữa của các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học được tập huấn về quy trình thực hiện chương trình Sữa học đường; kỹ thuật quản lý, bảo quản, sắp xếp sữa trong kho; kiến thức, kinh nghiệm về bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm sữa để phòng tránh ngộ độc thực phẩm và các sự cố liên quan khi cho trẻ uống sữa tại trường.

- Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường cơ sở vật chất và đảm bảo các công trình vệ sinh, nước sạch phục vụ nhu cầu của học sinh, cán bộ, giáo viên trong thời gian học tập, làm việc tại trường. Cụ thể:

+ 100% các cơ sở giáo dục có hệ thống nhà vệ sinh đúng quy định, hầu hết các nhà vệ sinh đạt chuẩn, được trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh, khử trùng; có chỗ rửa tay với nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn và được sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng.

+ Hệ thống cống/rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt đảm bảo được khơi thông, không để ứ đọng, đọng nước xung quanh lớp, khuôn viên trường học.

+ Phương tiện phục vụ công tác vệ sinh môi trường (hệ thống nước, thùng đựng và phân loại rác thải, chổi, rế,...), vệ sinh cá nhân cho giáo viên, trẻ em, học sinh và những người chăm sóc trẻ (bồn rửa tay, xà phòng, nước sạch,...) được trang bị đầy đủ và bố trí ở các vị trí thuận tiện.

+ Hầu hết các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đảm bảo nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo các tiêu chuẩn quy định, trên 90% cơ sở giáo dục có công trình nước sạch. Nước uống phục vụ cho học sinh có đầy đủ hồ sơ của đơn vị cung cấp, được cơ quan chức năng kiểm tra định kỳ và xác nhận nước uống đủ tiêu

chuẩn vệ sinh, nhà trường thực hiện xét nghiệm nước uống cho học sinh 1 lần/năm học.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Các thành tựu trong quá trình triển khai các nội dung của Phong trào được đánh giá căn cứ theo các chỉ tiêu trong Kế hoạch triển khai 2017-2021:

- Về xây dựng chính sách, tổ chức, chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện: UBND tỉnh xây dựng kế hoạch, thường xuyên chỉ đạo các Sở, Ban ngành triển khai thực hiện chỉ thị 29/CT-Ttg của Thủ tướng Chính phủ.

- Về truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi: đã thực hiện đa dạng hóa hình thức truyền thông, phong phú về nội dung tuyên truyền và thực hiện rộng rãi trong các cấp các ngành, doanh nghiệp, trường học, gia đình, ...

- Về phối hợp liên ngành: Có sự phối hợp liên ngành triển khai các nội dung của Phong trào, cụ thể: phối hợp với ngành GD&ĐT trong công tác y tế trường học, phối hợp ngành LĐTB&XH trong thực hiện công tác Y tế lao động, Phối hợp ngành TNMT trong công tác Bảo vệ môi trường cơ sở y tế,

- Thực hiện lồng ghép linh hoạt và có hiệu quả với các Chương trình, dự án, đề án khác như: Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá; Phong trào Thi đua yêu nước,...

- Về nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế: Tranh thủ mọi nguồn lực trong và ngoài nước, tích cực nghiên cứu và áp dụng hiệu quả các thành tựu khoa học trong thực hiện các nội dung Phong trào Vệ sinh yêu nước: Đổi mới phương pháp truyền thông, áp dụng CNTT trong hội nghị, đào tạo, tập huấn, cải thiện chất lượng nguồn nước, đảm bảo an toàn trong lao động, an toàn VSTP, PCCN, ...

- Về kiểm tra, giám sát, tổng kết thi đua khen thưởng: Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên trong các lĩnh vực: Nước sạch và Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo An toàn lao động, Vệ sinh thực phẩm và vệ sinh trường học, xây dựng cơ sở y tế Xanh – Sạch – Đẹp.

2. Ưu điểm:

Có sự chỉ đạo xuyên suốt từ tuyến TW đến địa phương, phân công, tổ chức thực hiện đối với từng Sở ngành phụ trách; chỉ đạo thực hiện lồng ghép tương đối hiệu quả trong các chương trình dự án khác, tranh thủ mọi nguồn lực tài chính; xã hội hóa, huy động nhiều tầng lớp nhân dân tham gia trong lĩnh vực Nước sạch và Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo An toàn lao động, Vệ sinh thực phẩm và vệ sinh trường học, xây dựng cơ sở y tế Xanh – Sạch – Đẹp, quản lý và xử lý triệt để lượng chất thải y tế phát sinh tại các cơ sở y tế.

3. Hạn chế và nguyên nhân

- Các hạn chế trong quá trình triển khai các nội dung của Phong trào.

+ Công tác truyền thông, tuyên truyền còn mang tính hình thức, chưa thực sự đi sâu vào đời sống người dân.

+ Khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn trong việc tiếp cận các chính sách của Phong trào. Một số khu vực chưa có nguồn nước sạch để đảm bảo cho sinh hoạt, sản xuất.

+ Công tác thanh kiểm tra, phối hợp liên ngành phát huy hiệu quả chưa cao

+ Nguồn lực đảm bảo triển khai các nội dung hoạt động của Phong trào còn hạn chế (nhân lực và vật lực).

- Nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình triển khai các nội dung của Phong trào.

+ Chưa đổi mới nhiều trong công tác truyền thông, tuyên truyền giáo dục cộng đồng cả về nội dung lẫn hình thức.

+ Nhiều khu vực, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số dân trí chưa cao, chưa tiếp cận được nguồn nước sạch, thiếu tiện nghi vệ sinh, hạ tầng cơ sở y tế, giáo dục chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân.

+ Công tác thanh kiểm tra, phối hợp liên ngành chưa thường xuyên và chế tài xử phạt chưa đủ sức răn đe cá nhân, tổ chức vi phạm đặc biệt trong lĩnh vực an toàn VSLĐ, An toàn VSTP.

- Chưa huy động nhiều nguồn lực từ xã hội cho các hoạt động của Phong trào.

4. Bài học kinh nghiệm

Mỗi địa phương, mỗi ngành cần xây dựng chính sách, khung chiến lược cụ thể; tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đồng bộ phù hợp với điều kiện quả từng địa phương, đảm bảo nguồn nhân lực có chuyên môn đồng thời bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện hiệu quả các nội dung và mục tiêu Phong trào.

Tăng cường phối hợp liên ngành, đặc biệt là công tác thanh kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực ATVSTP, An toàn lao động, ...

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đa dạng hơn các sản phẩm truyền thông, nội dung mang tính giáo dục cao đảm bảo người dân dễ tiếp cận và thay đổi hành vi cá nhân.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2022-2026 VÀ ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ

1. Nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới

a) Giải pháp về xây dựng chính sách, tổ chức, chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện

- Xây dựng chính sách: Bổ sung sửa đổi các văn bản liên quan, ưu tiên khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, vùng núi, vùng sâu, vùng xa đảm bảo mọi tầng lớp người dân được tiếp cận các chủ trương chính sách nhằm thay đổi hành vi cá nhân, nâng cao sức khỏe người dân.

- Công tác tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện: Tiếp tục kiện toàn hệ thống, đảm bảo công tác chỉ đạo hướng dẫn các cấp, các ngành triển khai thực hiện bám sát mục tiêu đề ra phù hợp tình hình thực tế tại địa phương, vận động, huy động mọi nguồn lực tham gia góp phần phát huy hiệu quả của Phong trào.

b) Giải pháp về truyền thông, nâng cao nhận thức

- Nội dung tuyên truyền: Nước sạch và Vệ sinh môi trường, An toàn VSTP, An toàn vệ sinh lao động cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

- Hình thức tuyên truyền: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, áp dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực truyền thông, đảm bảo tính nhanh chóng, chính xác và thường xuyên liên tục.

c) Giải pháp về lồng ghép chương trình

Lồng ghép các nội dung hoạt động của Phong trào vào chương trình, phong trào, dự án khác như: Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá; Phong trào Thi đua yêu nước,...

d) Giải pháp về phối hợp liên ngành

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cấp, ngành, tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác vệ sinh nâng cao sức khỏe theo các nhiệm vụ của các Bộ, ngành được giao tại Chỉ thị 29;

- Lồng ghép các phong trào, chương trình, dự án có nhiệm vụ liên quan đến vệ sinh nâng cao sức khỏe cần tiến hành rà soát, xem xét bổ sung và hoàn chỉnh các tiêu chí cần thiết, đưa ra các giải pháp để tổ chức chỉ đạo triển khai có hiệu quả nhằm đạt được chỉ tiêu đã đề ra;

- Có thể tiến hành tổ chức việc ký cam kết, xây dựng kế hoạch phối hợp giữa các Bộ, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện Phong trào.

e) Giải pháp về nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế

- Công tác hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin, chuyển giao công nghệ về vệ sinh môi trường phòng chống dịch;

- Công tác xã hội hóa, mời gọi các tổ chức quốc tế, các quốc gia tăng cường giúp đỡ, đầu tư cho các hoạt động về Vệ sinh cá nhân, Vệ sinh môi trường phòng chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh tại các cơ sở y tế và nơi làm việc; công tác bảo đảm chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.

f) Giải pháp về kiểm tra, giám sát, tổng kết thi đua khen thưởng

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện Phong trào của các đơn vị để kịp thời có những biện pháp chỉ đạo, điều chỉnh các hoạt động nhằm đạt hiệu quả cao nhất;

- Thực hiện kiểm tra theo các chương trình và kiểm tra lồng ghép trên cơ sở phối hợp giữa các Bộ, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội...;

- Hàng năm tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và khen thưởng các cá nhân, đơn vị thực hiện tốt Phong trào.

h) Giải pháp về tài chính

- Hàng năm, Nhà nước cấp một khoản kinh phí dành riêng để triển khai các hoạt động thuộc Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Sử dụng nguồn kinh phí của các chương trình mục tiêu, các nhiệm vụ, dự án có liên quan tới vệ sinh và nâng cao sức khỏe;

- Các địa phương ưu tiên cấp kinh phí để tổ chức triển khai Phong trào;

- Thực hiện xã hội hoá, huy động vốn đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước, doanh nghiệp, cá nhân.

2. Đề xuất, kiến nghị

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhà nước của Phong trào gắn liền với phát triển kinh tế tại địa phương đảm bảo tính bền vững.

- Cải thiện các điều kiện vệ sinh thông qua việc quy hoạch các công trình cấp nước, đảm bảo người dân được tiếp cận nguồn nước sạch đảm bảo Quy chuẩn, an toàn cho sức khỏe người dân đặc biệt là khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa,

- Hoàn thiện hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục, để người dân dễ dàng tiếp cận được các dịch vụ chăm sóc y tế, nâng cao trình độ dân trí, ... góp phần phát triển kinh tế, xã hội.


- Nhà nước cấp một khoản kinh phí dành riêng để triển khai các hoạt động thuộc Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trên đây là Báo cáo đánh giá, tổng kết 10 năm thực hiện chỉ thị số 29/Ct-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc triển khai Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2012-2022 của Sở Y tế Đồng Nai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo)
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng chức năng SYT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, NV.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Bình

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP VĂN BẢN DO CÁC BỘ, BAN NGÀNH BAN HÀNH CÓ LIÊN
QUAN TỚI NỘI DUNG PHÒNG TRÀO VỆ SINH YÊU NƯỚC NÂNG CAO
SỨC KHỎE NHÂN DÂN



(kèm theo báo cáo số 7126 /BC-SYT ngày 28 tháng 10 năm 2022)

TT	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm	Trích yếu văn bản	Loại hình văn bản	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	số 3062/BYT-MT ngày 27/05/2013	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân;	công văn	BYT	
2	số 58/2015/TTLT-BYT- BTNMT ngày 31/12/2015	Quy định về Quản lý chất thải y tế;	Thông tư	Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	
3	số 50/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015	Quy định kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt.	Thông tư	Bộ trưởng Bộ Y tế	
4	số 805/MT-SKHC ngày 25/7/2018	đảm bảo nước sạch, vệ sinh môi trường, quản lý chất thải y tế sau bão lũ.	Công văn	Cục Quản lý Môi trường y tế – Bộ Y tế về	
5	Số 2786/BYT-MT ngày 22/5/2019	Triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày VSYN nâng cao SKND	Công văn	BYT	

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH CÓ LIÊN
QUAN TỚI NỘI DUNG PHÒNG TRÀO VỆ SINH YÊU NƯỚC NÂNG CAO
SỨC KHỎE NHÂN DÂN

(kèm theo báo cáo số 7126 /BC-SYT ngày 28 tháng 10 năm 2022)

TT	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm	Trích yếu văn bản	Loại hình văn bản	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	Số 6137/KH- UBND ngày 06/8/2013 của về việc.	KH thực hiện Phong trào Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013-2015	Kế hoạch	UBND tỉnh Đồng Nai	
2	Số 547/KH- YTDP ngày 04/04/2013	Triển khai dự án Vệ sinh nông thôn thuộc CTMTQG về Nước sạch và Vệ sinh môi trường năm 2013.	Kế hoạch	TTYTDP	
3	Số 34/KH- YTDP ngày 07/3/2014	Kế hoạch hoạt động vệ sinh môi trường năm 2014	Kế hoạch	TTYTDP	
4	Số 3181/SYT- NVY ngày 23/9/2014	Tăng cường quản lý chất lượng nước để phòng chống bệnh tiêu chảy.	Công văn	SYT	
5	Số 06/KH- YTDP ngày 30/01/2015	Triển khai các hoạt động Vệ sinh môi trường năm 2015;	Kế hoạch	Trung tâm Y tế dự phòng Đồng Nai	
6	Số 15/KH- YTDP ngày 20/01/2016	Kế hoạch hoạt động vệ sinh môi trường năm 2016	Kế hoạch	TTYTDP	
7	Số 1055/SYT- NVY ngày 22/3/2016	Tổ chức Lễ Mittinh và các hoạt động hưởng ứng ngày Nước thế giới năm 2016.	Công văn	SYT	
8	Số 1789/SYT-NVY	Thực hiện Chỉ thị số 07/CT- BYT ngày 28/4/2016 của	Công văn	Sở Y tế Đồng Nai	



TT	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm	Trích yếu văn bản	Loại hình văn bản	Cơ quan ban hành	Ghi chú
	ngày 11/5/2016	Bộ Y tế;			
9	số 15/KH- YTDP ngày 07/2/2017	Hoạt động Vệ sinh môi trường năm 2017.	Kế hoạch	Trung tâm Y tế dự phòng Đồng Nai	
10	số 720/SYT- NVY ngày 03/3/2017	Triển khai thực hiện Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ,	Công văn	Sở Y tế Đồng Nai	
11	số 10/KH- YTDP ngày 24/01/2018	Triển khai công tác Vệ sinh môi trường năm 2018,	Kế hoạch	Trung tâm Y tế dự phòng Đồng Nai	
12	số 49/KH- YTDP ngày 11/4/2018	Kế hoạch Hưởng ứng Tuần lễ quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường (29/4 – 6/5), ngày Môi trường thế giới (5/6) năm 2018	Công văn	CDC Đồng Nai	
13	Công văn số 4061/YTDP ngày 14/9/2018	Kế hoạch hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Công văn	CDC Đồng Nai	
14	số 1726/SYT- NVY ngày 26/4/2019	Tổ chức hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường năm 2019;	Công văn	Sở Y tế Đồng Nai	
15	Số 2261/KH- SYT ngày 27/5/2019	Truyền thông về cải thiện vệ sinh, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Kế hoạch	SYT	

TT	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm	Trích yếu văn bản	Loại hình văn bản	Cơ quan ban hành	Ghi chú
16	số 37/KH- YTDP ngày 20/2/2020	Hoạt động Vệ sinh môi trường năm 2020	Kế hoạch	CDC Đồng Nai	
17	số 29/KH- KSBT ngày 25/02/2021	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2021	Kế hoạch	CDC Đồng Nai	

